

Số: 107/2019/QĐST-HNGĐ

P, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Ngô H, sinh năm 1990
Trú ở: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- **Bị đơn:** Ông Trịnh Minh S, sinh năm 1985
Trú ở: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P. Do ông Lê Hồng P, sinh năm 1979, chức vụ: Phó giám đốc làm đại diện, theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội và Giấy ủy quyền do giám đốc- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P, ký ngày 14/10/2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ngô H và ông Trịnh Minh S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Bà Huỳnh Thị Ngô H và ông Trịnh Minh S thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Trịnh Huỳnh H, sinh ngày 16/12/2013 cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Bà Huỳnh Thị Ngô H và ông Trịnh Minh S thống nhất tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà Huỳnh Thị Ngô H, ông Trịnh Minh S và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P thống nhất trả nợ vay trong thời kỳ hôn nhân như sau:

Ông Trịnh Minh S có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P tổng cộng số tiền vay 7.001.726đ (*Bảy triệu không trăm lẻ một nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*) (Trong đó tiền nợ gốc 7.000.000đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 14/10/2019 là 1.726đ) vay theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tại khế ước vay số: 6600000714555409, ngày 13/3/2019 đã được ký kết giữa ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện P với bà Huỳnh Thị Ngô H.

- **Về thời hạn trả nợ:** Từ ngày 14/10/2019 đến ngày 08/3/2024, ông Trịnh Minh S phải trả số tiền 7.001.726đ (*Bảy triệu không trăm lẻ một nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*) là dứt điểm theo như khế ước đã ký kết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

- **Về án phí:** Bà Huỳnh Thị Ngô H tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Bà H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0013544 ngày 16/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, do đó hoàn lại cho bà Hằng 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ông Trịnh Minh S tự nguyện chịu 175.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí DSST (đối với số nợ phải trả 7.001.726đ x 5%)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND H. Phú Hòa;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Sơn

